TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HS-ST
Ngày: 21 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đình Tùng và bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà: ông Từ Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 93/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 100/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

+ Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn MC, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Đ (đã chết) và bà Lê Thị T; có vợ là Phạm Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: ngày 20/12/2019, Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/7/2020; ngày 14/12/2020, Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/3/2023; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/8/2023 đến ngày 13/8/2023 chuyển tạm giam, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Phạm Thị B - sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn Mộc Tòng, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trần Thị T - sinh năm 2002; nơi cư trú: cầu Bo, xã YP, huyện YY, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 09 giờ ngày 02/8/2023, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô không rõ BKS mượn của người bạn mới quen (Đ chỉ B tên là Hòa, không B tên, tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu) đi đến nhà bà Phạm Thị B mục đích để vay tiền anh Phạm Văn Hùng - sinh năm 1985 (con trai bà B và là bạn học cùng Đ). Lúc này, anh Hùng không có nhà, chỉ có bà nội anh Hùng là bà Đào Thị Nghịt - sinh năm 1939 ngồi ở cửa; còn con trai anh Hùng đang nằm ngủ trên giường trong phòng khách. Trong lúc Đ đứng nói chuyện với bà Nghịt, thì quan sát thấy ở cuối giường chỗ con anh Hùng đang ngủ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 5 của bà B đang cắm sạc pin, nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này. Đ liền đi vào chỗ cuối giường, rút sạc, rồi cầm chiếc điện thoại cất vào túi áo ngực. Sau đó, Đ quay ra điều khiển xe mô tô cầm theo chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đến cửa hàng mua bán điện thoại "Điệp Mobile" ở khu vực cầu Bo, xã YP, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định bán cho chị Trần Thị T lấy 200.000 đồng. Chị T đã tháo chiếc sim điện thoại số thuê bao 0915947167 đưa lại cho Đ, số tiền có được từ việc bán điện thoại Đ đã tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện mất tài sản, bà Phạm Thị B đến Công an xã TN trình báo. Công an xã TN đã thu thập, xác minh ban đầu, thu giữ vật chứng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 5 do chị Trần Thị T tự nguyện giao nộp; 01 sim điện thoại số thuê bao 0915947167 do Nguyễn Văn Đ tự nguyện giao nộp. Công an xã TN đã chuyển hồ sơ vụ việc, đối tượng cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) - Công an huyện TL để điều tra theo thẩm quyền.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Quyết định tạm giữ và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn Đ. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn Đ tại thôn MC, xã TN nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TL định giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 5 và 01 sim điện thoại số thuê bao 0915947167. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 11/8/2023 và bản Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 17/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TL kết luận: *"Giá của 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 5, màu đen, màn hình có nhiều vết xước ... đã qua sử dụng tại thời điểm 02/8/2023 là 650.000 đồng". Giá trị của 01 (một) sim vinaphone có số thuê bao 0915947167, số seri 89840200011471230118 tại thời điểm 02/8/2023 là 100.000 đồng"*.

* Về xử lý vật chứng: trong giai đoạn điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Xiaomi Redmi Note 5 cùng 01 sim điện thoại số thuê bao 0915947167 cho bà Phạm Thị B.

* Về trách nhiệm dân sự: sau khi nhận lại tài sản, bà Phạm Thị B không có yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự; chị Trần Thị T không yêu cầu Nguyễn Văn Đ phải trả lại số tiền 200.000 đồng chị T đã dùng để mua chiếc điện thoại vào ngày 02/8/2023.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKS-SH ngày 11/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

**** Tại phiên tòa:***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (04/8/2023); hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết vụ án; nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân đúng như trong nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với Biên bản xác định hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: khoảng hơn 09 giờ ngày 02/8/2023, tại nhà ở của gia đình bà Phạm Thị B có địa chỉ tại thôn Mộc

Tòng, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam; Nguyễn Văn Đ đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 5, bên trong lắp 01 sim vinaphone số thuê bao 0915947167, có tổng trị giá 750.000 đồng của bà Phạm Thị B.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Mặc dù bị cáo trộm cắp tài sản của người khác trị giá dưới 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", tính đến ngày 02/8/2023 chưa được xóa án tích, lại thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản". Hội đồng xét xử kết luận: hành vi của Nguyễn Văn Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu.

- Về tình tiết tăng nặng: ngày 20/12/2019, Nguyễn Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện TL xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 05/7/2020; ngày 14/12/2020, Đ tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện TL xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (đã xác định là "Tái phạm"), chấp hành hình phạt xong ngày 27/3/2023. Tuy nhiên, tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" ngày 20/12/2019 là tình tiết định tội trong vụ án này, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm". Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nhiều lần bị kết án và phải đi chấp hành hình phạt tù, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, mà lại tiếp tục phạm tội; thể hiện sự coi thường pháp luật, không chịu cải tạo. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại là bà Phạm Thị B không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự; chị Trần Thị T không yêu cầu Nguyễn Văn Đ phải trả lại số

tiền 200.000 đồng chị T đã dùng để mua chiếc điện thoại vào ngày 02/8/2023; nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: tài liệu điều tra xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 5 và 01 sim điện thoại số thuê bao 0915947167 là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị B; Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã trả lại tài sản nêu trên cho bà B là đúng pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với xe mô tô Nguyễn Văn Đ điều khiển ngày 02/8/2023: Đ khai mượn xe mô tô của người bạn mới quen, Đ chỉ B tên là Hòa, không B tên, tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu; sau đó đã trả lại cho người này. Do vậy, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không đủ căn cứ để xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với chị Trần Thị T: quá trình điều tra xác định khi mua chiếc điện thoại, chị T không B đây là tài sản do Nguyễn Văn Đ trộm cắp mà có; nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị T về vai trò đồng phạm hoặc hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là đúng pháp luật.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (04/8/2023).

- Hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

2. Án phí: bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi

hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lại Xuân Cảnh